

Bản án số: 89/2024/DS-ST

Ngày: 13-3-2024

V/v: “Tranh chấp hợp đồng cầm cố; hợp đồng mượn tài sản”

**NHÂN DANH**  
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ LONG XUYÊN, TỈNH AN GIANG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Nguyễn Minh Quốc Việt

*Các Hội thẩm nhân dân:* Ông Lý Tuấn Phong và Bà Phan Hoàng Mai

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Nguyễn Thu Thảo – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang

**- Đại diện viện kiểm sát nhân dân thành phố Long Xuyên tham gia phiên tòa:** Ông Lê Hoàng Nhật- Kiểm sát viên

Ngày 13 tháng 3 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án Dân sự thụ lý số: 601/2023/TLST-DS ngày 18 tháng 12 năm 2023 về “Tranh chấp hợp đồng cầm cố; hợp đồng mượn tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 47/2024/QĐXXST-DS ngày 22 tháng 01 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 80/2024/QĐST-DS ngày 21 tháng 02 năm 2024 giữa các đương sự:

**1. Nguyên đơn:** Công ty Cổ phần S Có Ngay. Địa chỉ trụ sở: Số A, đường N, phường B, thành phố V, tỉnh Nghệ An.

*Người đại diện theo pháp luật:* Ông KANOKWATPAISAL NAPAT - Chức vụ: Giám đốc

*Người đại diện theo ủy quyền:* Ông Võ Minh X (Theo giấy ủy quyền số 261/2023/UQ-SVN ngày 25/10/2023).

*Người được ủy quyền lại:* Bà Nguyễn Thị Hoàng Y, sinh năm 1987. (Theo giấy ủy quyền số 261/04/2023/UQ-SVN ngày 01/11/2023)

Địa chỉ liên hệ: Số H, đường T, phường B, thành phố L, tỉnh An Giang. SĐT: 0911.929.229 - 0938.193.559. (có mặt)

**2. Bị đơn:** Bà Nguyễn Nguyệt M, sinh năm 1979

Địa chỉ: Số C, đường S, khóm B, phường B, thành phố L, tỉnh An Giang. Điện thoại: 0903.973313 (vắng mặt)

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Theo nội dung đơn khởi kiện và trong quá trình tố tụng nguyên đơn, người đại diện của nguyên đơn trình bày:*

Ngày 22/02/2023 bà Nguyễn Nguyệt M và Công ty Cổ phần S (Công ty S) – Chi nhánh L 01 thỏa thuận ký hợp đồng cầm cố. Nội dung hợp đồng bà M cầm cố cho công ty A (một) xe mô tô hai bánh (nhãn hiệu HONDA, loại SH 150CC Y, biển số: 67B2-568.15, số khung: RLHKF4217LY021812, số máy: KF42E1030645, giấy chứng nhận đăng ký số: 142305 do Công an tỉnh A cấp ngày 30/09/2020, mang tên bà Nguyễn Nguyệt M); thời gian cầm cố 12 tháng (22/02/2023 đến 22/02/2024); phí quản lý hồ sơ 0,5%. Tài sản thế chấp được đăng ký giao dịch bảo đảm tại Trung tâm đăng ký giao dịch tài sản tại TP Hồ Chí Minh – Cục đăng ký quốc gia giao dịch bảo đảm vào ngày 22/02/2023.

Số tiền công ty giải ngân cho bà M khi bà M cầm cố tài sản là 52.800.000 đồng, lãi suất trong hạn cố định 1,1%/tháng trên số dư nợ thực tế, tính từ ngày ký hợp đồng và nhận tiền, số tiền lãi là 580.800 đồng/tháng; thời gian thanh toán lãi vào ngày 22 hàng tháng, từ tháng 03/2023 đến tháng 02/2024. Lãi suất quá hạn 150% của lãi suất trong hạn. Bà M nhận tiền từ hợp đồng cầm cố tài sản và thanh toán được số tiền 15.950.000 đồng (gốc 9.881.050 đồng, lãi 1.117.313 đồng, phí 4.951.637 đồng), sau đó không thực hiện nghĩa vụ trả vốn lãi và phí theo thỏa thuận khi thời hạn của hợp đồng đã hết.

Cùng ngày 22/02/2023 bà Nguyễn Nguyệt M và Công ty Cổ phần S – Chi nhánh L 01 thỏa thuận ký hợp đồng mượn tài sản là xe mô tô đã cầm cố nêu trên. Nội dung hợp đồng, Công ty S cho bà Minh m; thời hạn mượn 30 ngày (22/02/2023 đến 22/03/2023); phí bảo dưỡng và hao mòn xe khi mượn là 1.584.000 đồng; khi khách hàng thanh toán đúng hạn phí bảo dưỡng và hao mòn xe khi mượn là 1.056.000đ/tháng. Bà M nhận xe từ hợp đồng mượn tài sản, nhưng không thực hiện nghĩa vụ trả xe khi hết thời hạn của hợp đồng, không thanh toán phí bảo dưỡng và hao mòn. Công ty không yêu cầu nhận lại xe, nhưng yêu cầu thanh toán phí bảo dưỡng và hao mòn khi mượn xe theo thỏa thuận của hợp đồng mượn.

**Công ty S** khởi kiện yêu cầu:

Buộc bà Nguyễn Nguyệt M có trách nhiệm thực hiện nghĩa vụ trả số tiền tính đến ngày 12/3/2024 là 70.693.029 đồng. Trong đó: Tiền gốc là 42.918.950 đồng; tiền lãi trong hạn là 5.114.508 đồng, tiền lãi quá hạn là 2.557.254 đồng; phí bảo dưỡng và hao mòn xe là 17.160.000 đồng; phí quản lý hồ sơ 0,5% là 2.942.316 đồng.

Trường hợp bà Nguyễn Nguyệt M không thực hiện nghĩa vụ trả số tiền nêu trên thì tài sản cầm cố là 01 (một) xe mô tô hai bánh (nhãn hiệu HONDA, loại SH 150CC Y, biển số: 67B2-568.15, số khung: RLHKF4217LY021812, số máy: KF42E1030645, giấy chứng nhận đăng ký số: 142305 do Công an tỉnh A cấp ngày 30/09/2020 mang tên bà Nguyễn Nguyệt M) được xử lý theo quy định pháp luật để đảm bảo thi hành án.

*Bị đơn bà Nguyễn Nguyệt M đã được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt trong quá trình tố tụng và không có văn bản trình bày ý kiến:*

*Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Long Xuyên phát biểu:*

Về tố tụng: Việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án của thẩm phán, Hội đồng xét xử, việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử vào nghị án phù hợp quy định pháp luật.

Về nội dung: Căn cứ khoản 1 Điều 275, Điều 280, Điều 309, khoản 3 Điều 314, Điều 499, Điều 357, Điều 494 Bộ luật Dân sự, đề nghị chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ kết quả tranh luận tại phiên tòa, nghe lời phát biểu của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Căn cứ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đối với bị đơn bà Nguyễn Nguyệt M tranh chấp hợp đồng cầm cố, hợp đồng mượn tài sản, đây là tranh chấp hợp đồng dân sự theo quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn xác lập hợp đồng và có nơi cư trú tại thành phố L, tỉnh An Giang. Do đó, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[1.2] Công ty S đã ghi đầy đủ và đúng địa chỉ của bà M theo địa chỉ được ghi trong hợp đồng cầm cố, hợp đồng mượn tài sản được coi là đã ghi đầy đủ và đúng địa chỉ nơi cư trú của bà M theo quy định tại Điều 5, Điều 6 Nghị quyết số 04/2017/NQ-HĐTP ngày 05 tháng 5 năm 2017 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao. Căn cứ kết quả xác minh của công an phường B xác nhận bà M có đăng ký hộ khẩu thường trú tại số C, đường S, khóm B, phường B, thành phố L, tỉnh An Giang nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án theo thủ tục chung.

[1.3] Bị đơn bà Nguyễn Nguyệt M đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai, nhưng vắng mặt tại phiên tòa. Căn cứ Điều 227, khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự. Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án vắng mặt bà M.

[2] Về nội dung:

[2.1] Hợp đồng cầm cố số LXM230201016NA20X và giấy mượn xe ngày 22/02/2023 là sự tự nguyện thỏa thuận giao kết giữa các bên có đầy đủ các năng lực hành vi pháp luật dân sự, không trái quy định pháp luật dân sự, đạo đức xã hội. Phù hợp với khoản 1 Điều 275, Điều 309, khoản 3 Điều 314, Điều 494 Bộ luật Dân sự. Quá trình thực hiện hợp đồng bà M đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán nên công ty khởi kiện yêu cầu bà Nguyễn Nguyệt M có trách nhiệm thực hiện nghĩa vụ trả số tiền tính đến ngày 12/03/2024 là 70.693.029 đồng. Trong đó: Tiền gốc là 42.918.950 đồng; tiền lãi trong hạn là 5.114.508 đồng, tiền lãi quá hạn là 2.557.254 đồng; phí bảo dưỡng và hao mòn xe là 17.160.000 đồng; phí quản lý hồ sơ 0,5% là 2.942.316 đồng, yêu cầu này là có căn cứ theo quy định tại các Điều

280, Điều 357, Điều 499 Bộ luật dân sự nên được Hội đồng xét xử xem xét chấp nhận.

[2.2] Hợp đồng cầm cố số LXM230201016NA20X ngày 22/02/2023 được đăng ký giao dịch bảo đảm tại Trung tâm đăng ký giao dịch tài sản tại TP Hồ Chí Minh – Cục đăng ký quốc gia giao dịch bảo đảm vào ngày 22/02/2023. Trường hợp bà **M** không thanh toán số tiền trên **Công ty S** yêu cầu xử lý tài sản đảm bảo theo hợp đồng cầm cố là 01 (một) xe mô tô hai bánh (nhãn hiệu HONDA, loại SH 150CC Y, biển số: 67B2-568.15, số khung: RLHKF4217LY021812, số máy: KF42E1030645, giấy chứng nhận đăng ký số: 142305 do **Công an tỉnh A** cấp ngày 30/09/2020 mang tên bà **Nguyễn Nguyệt M**). Yêu cầu này phù hợp Điều 299, Điều 303 Bộ luật Dân sự nên được xem xét chấp nhận.

[3] Về án phí dân sự sơ thẩm:

**Công ty S** được nhận lại tiền tạm ứng án phí đã nộp. Bà **M** có trách nhiệm nộp án phí theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

## QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào:

- Khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; Điều 227; Điều 228; Điều 266 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng Dân sự;
- Khoản 1 Điều 275, Điều 280, Điều 299, Điều 303, Điều 309, khoản 3 Điều 314, Điều 499, Điều 357, Điều 494 Bộ luật dân sự;
- Nghị quyết số 04/2017/NQ-HĐTP ngày 05 tháng 5 năm 2017 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao;
- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

Tuyên xử:

[1] Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của **Công ty cổ phần S** Có Ngay.

Buộc bà **Nguyễn Nguyệt M** có trách nhiệm thực hiện nghĩa vụ trả cho **Công ty cổ phần S** Có Ngay số tiền tính đến ngày 12/03/2024 là 70.693.029 đồng. Trong đó: Tiền gốc là 42.918.950 đồng; tiền lãi trong hạn là 5.114.508 đồng, tiền lãi quá hạn là 2.557.254 đồng; phí bảo dưỡng và hao mòn xe là 17.160.000 đồng; phí quản lý hồ sơ 0,5% là 2.942.316 đồng.

Trường hợp bà **Nguyễn Nguyệt M** không thực hiện nghĩa vụ trả số tiền nêu trên thì tài sản cầm cố là 01 (một) xe mô tô hai bánh (nhãn hiệu HONDA, loại SH 150CC Y, biển số: 67B2-568.15, số khung: RLHKF4217LY021812, số máy: KF42E1030645, giấy chứng nhận đăng ký số: 142305 do **Công an tỉnh A** cấp ngày 30/09/2020 mang tên bà **Nguyễn Nguyệt M**) được xử lý theo quy định pháp luật để đảm bảo thi hành án.

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 357 Bộ luật dân sự năm 2015.

[2] Về án phí dân sự sơ thẩm:

Bà **M** có trách nhiệm nộp 3.535.000 đồng (Ba triệu năm trăm ba mươi lăm nghìn) án phí dân sự sơ thẩm.

**Công ty Cổ phần S** Có Ngay được nhận lại 1.384.229đ (Một triệu ba trăm tám mươi bốn nghìn hai trăm hai mươi chín đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0001254 ngày 14/12/2023 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Long Xuyên.

[3] Về quyền kháng cáo:

**Công ty Cổ phần S** Có Ngay được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

Bà **M** được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành theo quy định tại các Điều 6, Điều 7a, 7b và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

(Đã giải thích điều 26 Luật thi hành án)

**Nơi nhận:**

- Các đương sự “Đề thi hành”;
- VKSND – TPLX;
- TAND tỉnh An Giang;
- THADS TPLX;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu văn phòng./.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**  
**Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa**

**Nguyễn Minh Quốc Việt**